

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam giảm điểm trước sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu khu công nghiệp và thép với thanh khoản giảm

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL giảm điểm tương đồng với diễn biến của chỉ số VN30

[Thông tin doanh nghiệp]

TNG, SHB

[Vĩ mô/Chiến lược]

Fed xoay trục

[Cập nhật công ty]

STB

[Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị không chế tỷ trọng ở mức an toàn và chỉ mở mua trở lại khi chỉ số đã xác nhận hoàn thiện mẫu hình.

03/11/2022

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIIndex	1,019.81	-0.33
VN30	1,023.80	-0.13
HĐTL VN30F1M	1,001.10	-1.95
HNXIndex	210.74	-0.43
HNX30	349.00	-0.46
UPCoM	75.66	-0.46
USD/VND	24,838	+0.02
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	4.96	+2
Lãi suất qua đêm (%)	6.42	+98
Dầu (WTI, \$)	88.63	-1.52
Vàng (LME, \$)	1,625.29	-0.61



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,019.81 (-0.33%)
KLGD (triệu CP) 442.9 (+1.0%)
GTGD (triệu US\$) 317.6 (-21.9%)

HNXIndex 210.74 (-0.43%)
KLGD (triệu CP) 42.1 (-14.9%)
GTGD (triệu US\$) 21.6 (-24.2%)

UPCoM 75.66 (-0.46%)
KLGD (triệu CP) 20.3 (-2.6%)
GTGD (triệu US\$) 8.2 (-21.7%)

NĐTNN mua ròng (triệu US\$) +10.3

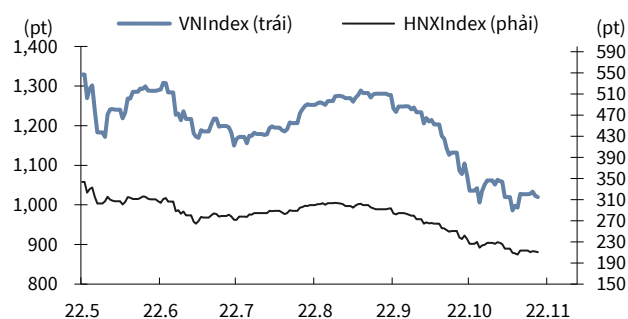
TTCK Việt Nam giảm điểm trước sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu khu công nghiệp và thép với thanh khoản giảm. Khối ngoại mua ròng, tập trung ở VHM (+0.2%), VNM (+2.2%), MSN (+5.4%).

FED thông báo tăng lãi suất thêm 0.75% và cho thấy khả năng tăng ít hơn trong cuộc họp tháng 12 nhưng vẫn kiên định với mục tiêu giảm lạm phát.

Bộ NN&PTNT cho biết, khối lượng gạo xuất khẩu tháng 10 năm 2022 ước đạt 700 nghìn tấn với giá trị đạt 334 triệu USD, đưa tổng khối lượng và giá trị xuất khẩu gạo 10 tháng đạt 6.07 triệu tấn với 2.94 tỷ USD, tăng 17.2% về khối lượng so với cùng kỳ 2021 và giá xuất khẩu gạo của Việt Nam tháng 10 dao động từ 425 - 430 USD/tấn - mức cao nhất kể từ tháng 11/2021 giúp cổ phiếu gạo giảm giá ở PAN (+0.5%).

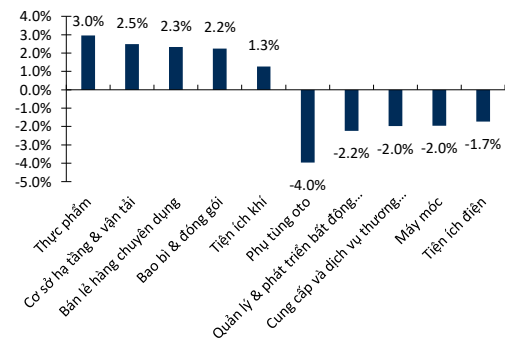
Toyota thông báo hạ mục tiêu sản lượng xe do rủi ro thiếu chip tác động tiêu cực đến cổ phiếu ô tô ở VEA (-1.5%).

VNIndex & HNXIndex



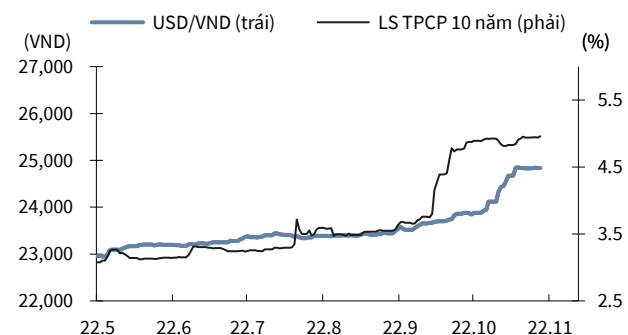
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

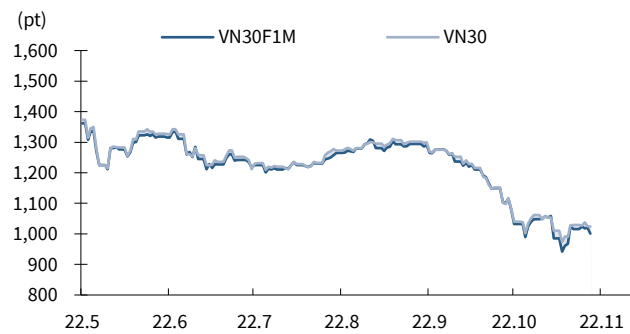
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,023.80 (-0.13%)
VN30F1M	1,001.1 (-1.95%)
Mở cửa	1,011.0
Cao nhất	1,024.0
Thấp nhất	1,001.1

Các HĐTL giảm điểm tương đồng với diễn biến của chỉ số VN30. Chênh lệch F2211 và chỉ số VN30 mở cửa ở mức -15.2 điểm, sau đó thu hẹp dần biên độ dù vẫn biến động trong mức âm trong phiên, đóng cửa ở mức thấp nhất ngày -22.7 điểm cho thấy tâm lý thận trọng của nhà đầu tư. Khối lượng giao dịch giảm trong phiên hôm nay.

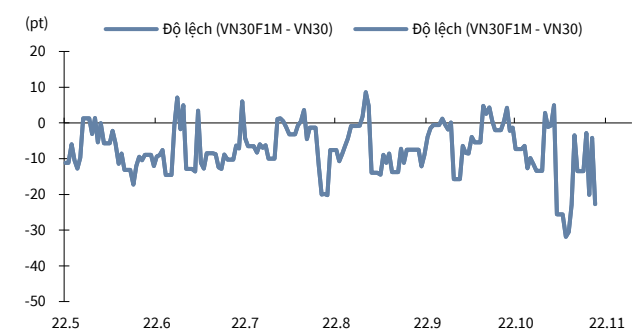
KLGD (HĐ) **393,954 (-19.6%)**

HĐTL VN30F1M & VN30



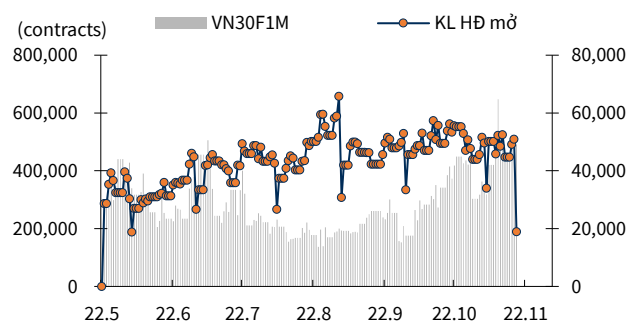
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



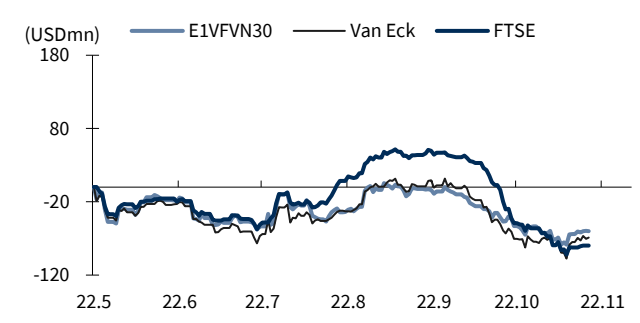
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

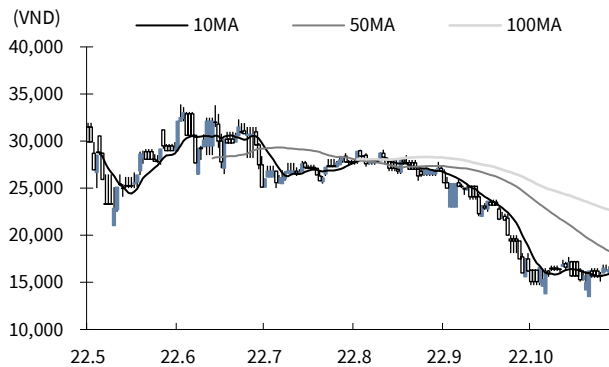
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

CTCP Đầu tư và Thương mại TNG (TNG)

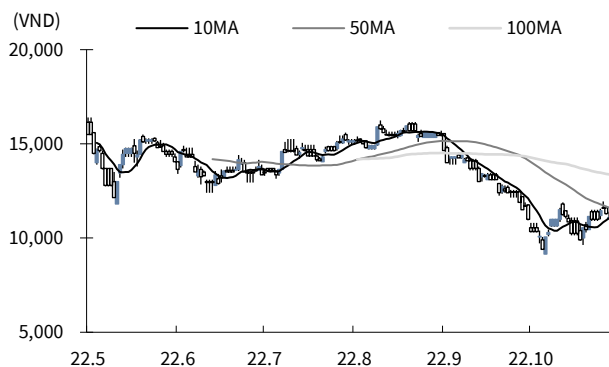


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- TNG đóng cửa ở ngưỡng tham chiếu 16,300 VND/cp

- CTCP Đầu tư và Thương mại TNG ghi nhận lợi nhuận tháng 10 đạt 25 tỷ đồng, giảm 29% so với mức trung bình trong quý 3 và doanh thu tiêu thụ đạt 570 tỷ đồng, tăng 23% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, cơ cấu doanh thu xuất khẩu chiếm 560 tỷ đồng tương ứng tỷ trọng 98%. Mỹ vẫn là thị trường chủ lực của TNG với tỷ trọng hơn 40% trong tổng cơ cấu doanh thu xuất khẩu, bên cạnh các thị trường khác như Pháp, Canada, Nga, Hà Lan, Đức,...

Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- SHB giảm 1.8% xuống 11,100 VND/cp

- Ngân hàng Sài Gòn - Hà Nội thông báo về ngày chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 15%, ngày đăng ký cuối cùng là ngày 24/11/2022.

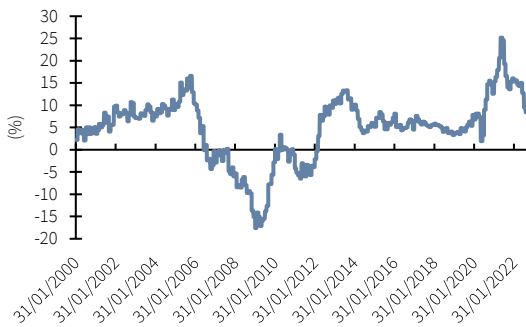
FED xoay trục

Thị trường tiếp tục dò đáy?

Một số dấu hiệu suy giảm làm gia tăng kỳ vọng FED sẽ sớm thay đổi chính sách

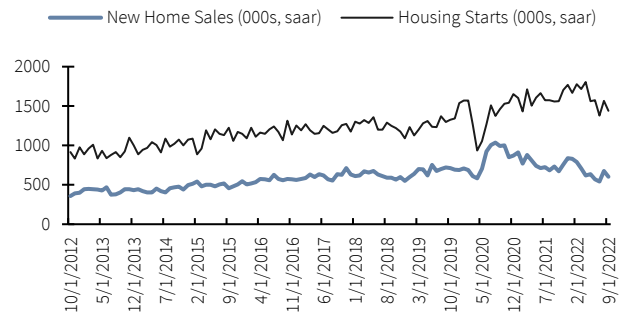
— Thời gian qua nhất cử nhất động của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) được thị trường đặc biệt quan tâm bởi chính sách của FED có thể ảnh hưởng đáng kể đến nền kinh tế Mỹ cũng như thế giới. Gần đây, một số dữ liệu kinh tế Mỹ yếu kém làm gia tăng kỳ vọng rằng FED sẽ giảm tốc độ tăng lãi suất như thị trường nhà ở sụt giảm với cả doanh số bán nhà và giá nhà bắt đầu giảm do lãi suất thế chấp tăng mạnh, niềm tin người tiêu dùng xuống mức thấp. Bên cạnh đó, lo ngại nợ vay ở mức cao sau chu kỳ tiền rẻ trong bối cảnh lãi suất tăng mạnh gây áp lực lên chi phí lãi vay nhất là khi ngân sách chính phủ ngày càng thâm hụt. Cùng với đó, quan điểm trên được củng cố sau khi một số quan chức Fed đã bắt đầu bày tỏ mong muốn tăng lãi suất chậm lại. Theo đó, thị trường trước đó đang kỳ vọng FED sẽ bắt đầu hạ lãi suất từ Q2/2023.

Biểu đồ 1. Giá nhà trung bình tại Mỹ



Nguồn: Bloomberg, KBSV

Biểu đồ 2. Doanh số bán nhà và xây mới tại Mỹ



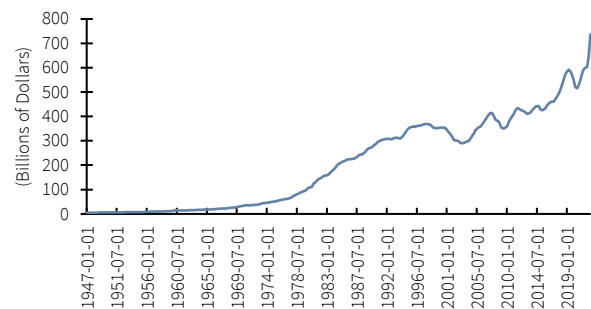
Nguồn: Bloomberg, KBSV

Biểu đồ 3. Chỉ số niềm tin tiêu dùng Mỹ



Nguồn: Bloomberg, KBSV

Biểu đồ 4. Lãi vay phải trả của Mỹ



Nguồn: Bloomberg, KBSV

NHTMCP Sài Gòn Thương tín (STB)

Đã có những điểm sáng trong quý 3

Biên lãi thuần hồi phục tốt hơn kỳ vọng

- Lợi suất đầu ra bình quân đã có sự cải thiện đáng kể sau quãng thời gian đẩy mạnh phân bổ lãi dự thu (2021 và 6T2022). Cụ thể: lợi suất cho vay bình quân quý 3 tăng tới 3.16 điểm % QoQ, đạt 9.44% - tương đương thời điểm trước dịch bệnh; ngoài ra gia tăng tiền gửi liên ngân hàng (+115.8%YTD) cũng giúp cải thiện lợi suất khi lãi suất liên ngân hàng tăng cao.
- Bức tranh chi phí vốn có diễn biến tích cực hơn khi lãi suất đầu vào bình quân chỉ tăng nhẹ 0.18% QoQ và tương đương cùng kỳ. Chúng tôi nhận thấy cơ cấu tiền gửi khách hàng của STB tập trung tại các kỳ hạn từ 6 tháng trở xuống (~80%) trong khi lãi suất các kỳ hạn này mới chỉ tăng khoảng 0.5 điểm % sau 9T.
- NIM Q3 đạt 4.43% - mức NIM theo quý cao nhất kể từ năm 2015.

Tăng trưởng lợi nhuận được đảm bảo dù vẫn trích lập lớn

- Nhờ sự cải thiện đáng kể trong NIM mà thu lãi thuần quý 3 tăng gấp 2.2 lần so với quý trước và tăng 73%YoY, đạt 5,762 tỷ VND.
- Thu thuần từ hoạt động dịch vụ dù giảm 40.7%QoQ nhưng vẫn tăng mạnh 74.9% so với cùng kỳ, đạt 1,032 tỷ VND. Thu từ kinh doanh ngoại hối và vàng vẫn giữ được sự ổn định, đem lại cho ngân hàng 220 tỷ VND. Ngân hàng ghi nhận 41 tỷ VND thu từ các hoạt động khác, tương đương cùng kỳ.
- Tổng thu hoạt động (TOI) đạt 7,056 tỷ VND (+15.1%QoQ và +68.1%YoY). Tỷ lệ CIR Q3 giảm còn 43.9% thấp hơn nhiều so với mức bình quân 55% trong các giai đoạn trước.
- STB tiếp tục trích lập tới 2,425 tỷ chi phí dự phòng trong quý 3 (+10%QoQ và +155%YoY). Trong đó có khoảng 2,200 tỷ trích lập cho trái phiếu VAMC.
- Lợi nhuận trước thuế quý 3 đạt 1,532 tỷ VND, tăng mạnh 85.7% so với cùng kỳ. Lũy kế 9T lợi nhuận trước thuế đạt 4,440 tỷ VND (+36.6%YoY), hoàn thành 84% kế hoạch năm.

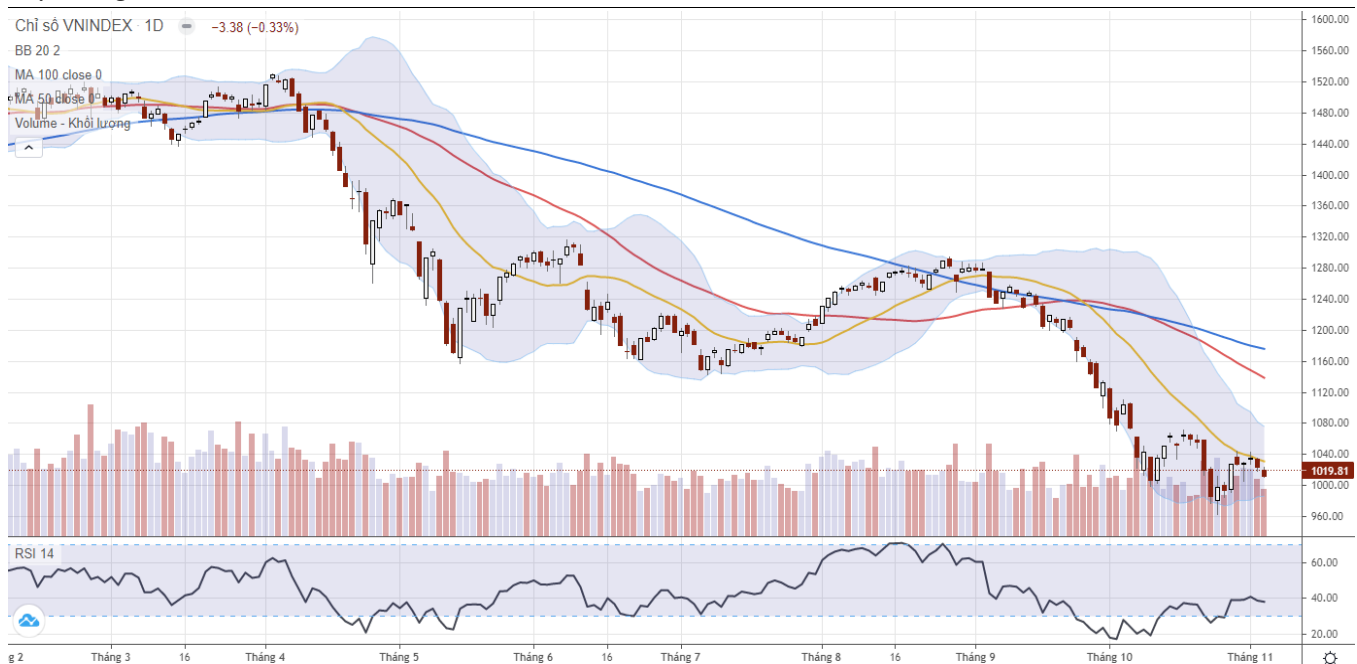
Tín dụng và huy động đều tăng trưởng tích cực

- Tăng trưởng tín dụng 9T đạt 8.5% - vẫn phù hợp với room được giao 11%. Dù chiến lược của ngân hàng là tập trung cho vay lĩnh vực sản xuất và hộ kinh doanh phù hợp với định hướng của ngân hàng nhà nước nhưng chúng tôi cũng không quá kỳ vọng có 1 đợt tăng room nữa cho STB.
- Huy động từ tiền gửi đạt 456 nghìn tỷ VND, tăng 7.1% so với đầu năm - cao hơn mức tăng 4% của toàn hệ thống. Huy động từ thị trường 2 và giấy tờ có giá lần lượt tăng 16.2% và 26.4% so với đầu năm.
- Dù vậy tỷ lệ LDR Q3 vẫn đang ở mức 83.8%, tương đối sát với quy định 85%.

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- Sau nhịp mở gap giảm điểm đầu phiên, VNIndex diễn biến giằng co dưới ngưỡng tham chiếu và hồi phục một phần về cuối phiên.
- Lực bán suy yếu cùng với phản ứng sớm của vùng hỗ trợ sâu quanh 100x đã giúp cho chỉ số tránh được một nhịp nhảm sâu. Mặc dù áp lực rung lắc sẽ còn tiếp diễn trong những phiên tới, VNIndex đang đứng trước cơ hội hình thành mẫu hình vai đầu vai ngược nếu vùng hỗ trợ đã đề cập tiếp tục được bảo toàn.
- NĐT được khuyến nghị khống chế tỷ trọng ở mức an toàn và chỉ mở mua trở lại khi chỉ số đã xác nhận hoàn thiện mẫu hình.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh - Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1026 - 1031

Kháng cự gần: 1010 - 1015

Hỗ trợ gần: 990 - 994

Hỗ trợ xa: 975 - 981

- Sau nhịp mở gap giảm điểm đầu phiên, F1 hồi phục giằng co quanh ngưỡng tham chiếu trước khi lao dốc về cuối phiên.
- Áp lực bán tăng mạnh về cuối phiên khiến cho chỉ số đánh mất ngưỡng hỗ trợ gần quanh 101x. Trong kịch bản tiêu cực nếu F1 đánh mất hoàn toàn vùng hỗ trợ quanh 990 (+5), rủi ro phá đáy ngắn hạn cần được tính đến.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Ưu tiên mở LONG quanh các ngưỡng hỗ trợ nhưng đặt STOP chặt.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Ưu tiên mở LONG quanh các ngưỡng hỗ trợ nhưng đặt STOP chặt.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

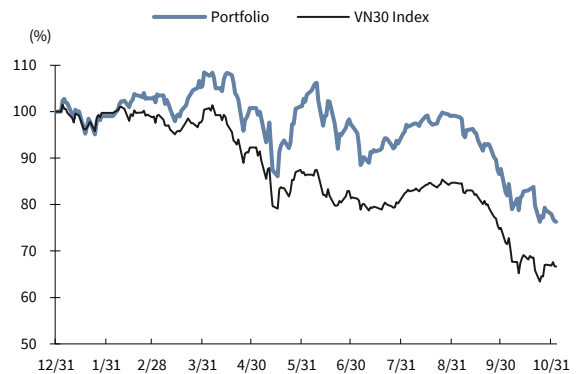
Khởi phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luân duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-0.13%	-0.19%
Tăng lũy kế (YTD)	-33.33%	-23.71%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 03/11/2022	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	49,500	3.1%	24.2%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Binh Son Refinery (BSR)	30/06/2022	17,800	-1.7%	-36.5%	- Crack spread sẽ tiếp tục được duy trì ở mức cao - Dự án nâng cấp nhà máy đang được xem xét lại phương án đầu tư
Phu Nhuan Jewelry (PNJ)	22/03/2019	102,000	0.9%	31.9%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Nam Tan Uyen (NTC)	11/11/2021	138,500	-2.2%	-26.3%	- Khu Công nghiệp NTC-3 được phê duyệt đóng góp tăng trưởng 2022 - Triển vọng tích cực trong dài hạn của ngành khu công nghiệp - Cấu trúc tài chính lành mạnh
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	75,300	0.3%	154.0%	- Màng cho thuê vẫn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	74,100	0.1%	205.0%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Màng viên thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	23,600	-1.7%	27.0%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	111,400	1.3%	49.9%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	15,200	-1.0%	37.9%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbac City Development (KBC)	09/03/2020	17,700	-1.1%	74.2%	- Giá bán khu đô thị Trảng Dục cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VHM	0.2%	22.9%	61.7
VNM	2.2%	55.5%	61.0
MSN	5.4%	29.5%	43.4
SSI	0.0%	34.2%	33.1
DGC	0.7%	15.2%	21.0

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
HPG	-1.0%	19.7%	-52.9
CTG	-1.7%	26.9%	-17.8
KBC	-1.1%	16.9%	-17.2
KDC	0.8%	28.7%	-10.1
HDB	-2.7%	18.1%	-7.9

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
PVS	-2.2%	11.9%	1.5
TNG	0.0%	4.6%	1.4
SD5	-1.2%	6.2%	0.2
PVI	-1.3%	58.8%	0.2
NDX	0.0%	4.0%	0.1

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
IDC	-1.6%	0.4%	-2.5
HUT	-1.8%	0.8%	-0.9
PLC	0.5%	1.1%	-0.4
MBS	-1.5%	0.7%	-0.2
TVD	-1.2%	3.3%	-0.2

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bao bì & đóng gói	7.8%	TDP, SVI, MCP, TPC
Phân phối thiết bị & dịch vụ y tế	7.6%	TNH, JVC, VMD
Chứng khoán	5.2%	SSI, VND, HCM, VCI
Cơ sở hạ tầng & vận tải	4.0%	GMD, LGC, CII, HAH
Vận tải hàng không & Logistics	3.6%	TMS, SCS, STG, ASG

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Kim loại & khai thác	-12.1%	HPG, HSG, NKG, KSB
Tập đoàn công nghiệp	-6.7%	REE, BCG, PET, EVG
Bán lẻ hàng chuyên dụng	-6.7%	MWG, FRT, CTF, HAX
Tiện ích điện	-6.0%	PGV, NT2, PPC, TTA
Thiết bị và dịch vụ năng lượng	-6.0%	PVD, PVT

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Vận tải hàng không & Logistics	6.8%	TMS, SCS, STG, ASG
Tiện ích khí	1.2%	GAS, PGD, PMG
Vật liệu xây dựng	0.0%	HT1, PTB, GAB, ACC
Cơ sở hạ tầng & vận tải	-1.0%	GMD, LGC, CII, HAH
Đồ uống	-1.7%	SAB, BHN, SMB, SCD

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Ngành chưa phân loại	-29.8%	CKG, PSH, NHH, ABS
Máy móc	-28.5%	TCH, HHS, SRF, SHA
Kim loại & khai thác	-27.7%	HPG, HSG, NKG, KSB
Xây dựng và kỹ thuật	-25.7%	DIG, HDG, VCG, PC1
Phân phối thiết bị & dịch vụ y tế	-21.8%	TNH, JVC, VMD

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USD mn)	GTGD (VND triệu, USD mn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)			ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	77,245 (3.2)	22.5	22.6	21.1	14.7	8.8	9.2	2.0	1.8	0.0	1.1	0.7	-41.7
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	151,140 (6.2)	26.6	6.3	5.3	35.9	22.2	22.0	1.3	1.1	-0.2	3.2	11.4	-45.2
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	35,879 (1.5)	17.8	22.7	16.1	-7.6	8.1	10.6	1.8	1.7	-1.7	16.2	-7.9	-14.3
	NVL	NO VA LAND INVES	45,853	86,712 (3,768)	162,333 (6.7)	31.3	24.6	20.6	6.7	14.1	15.2	3.4	3.0	-1.1	-7.1	18.5	-24.0
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	28,347	19,167 (833)	54,683 (2.3)	11.6	11.6	11.1	13.7	13.0	12.4	1.4	1.2	0.9	6.0	18.0	-50.4
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	141,004 (5.8)	13.9	8.8	7.0	-	10.4	11.5	0.7	0.7	-4.9	13.7	32.5	-60.9
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	79,937	378,305 (16,441)	80,737 (3.3)	6.3	13.0	11.0	11.7	22.0	22.0	2.6	2.1	-1.9	5.1	0.5	-6.6
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	44,405 (1.8)	12.7	11.9	9.5	-5.3	17.4	18.5	1.7	1.4	-1.0	6.3	-0.6	-9.2
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	215,133 (8.9)	0.0	4.1	3.6	14.3	20.9	19.5	0.8	0.6	-1.8	17.8	22.5	-49.6
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	132,290 (5.4)	1.4	6.5	5.5	50.3	18.5	19.6	1.1	1.0	-1.8	7.1	3.4	-29.2
	VPB	VIETNAM PROSPERI	15,296	101,381 (4,406)	225,331 (9.3)	0.0	6.3	6.3	18.8	19.7	16.9	1.1	0.9	1.7	12.5	-2.8	-26.7
	MBB	MILITARY COMMERC	16,173	73,327 (3,187)	217,622 (8.9)	0.0	4.7	4.0	14.6	24.5	22.9	1.0	0.8	-0.6	9.1	10.5	-25.7
	HDB	HDBANK	16,320	40,641 (1,766)	32,975 (1.4)	4.2	5.3	4.6	23.3	23.1	21.6	1.1	0.9	-0.9	3.1	14.1	-33.3
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	338,809 (13.9)	14.0	7.9	2.6	26.5	12.5	24.9	0.8	0.6	0.0	12.7	18.0	-46.3
	TPB	TIEN PHONG COMME	20,630	28,732 (1,249)	64,566 (2.6)	0.0	5.6	4.3	37.4	21.6	21.5	1.1	0.9	-1.1	7.8	13.8	-47.5
EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	55,885 (2.3)	0.2	15.9	13.7	27.3	16.0	16.2	2.1	1.8	-5.4	14.7	-0.4	1.0	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	46,223 (1.9)	21.0	18.2	14.8	15.8	9.9	11.5	1.7	1.6	-1.9	1.6	-2.8	-7.1
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	6,735 (0.3)	14.2	11.9	10.6	9.1	12.8	13.6	1.3	1.2	-2.5	3.3	15.4	-45.6
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	296,785 (12.2)	55.4	9.9	9.0	-3.2	15.2	13.1	-	-	-2.7	11.1	16.7	-66.1
	VCI	VIET CAPITAL SEC	21,154	9,108 (396)	167,707 (6.9)	71.9	-	-	-4.0	22.7	20.9	-	-	-1.3	14.0	11.2	-53.4
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	93,513 (3.8)	52.4	-	-	-19.0	16.9	15.9	-	-	0.5	18.4	14.7	-54.1
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	293,477 (12.0)	27.2	-	-	36.3	27.0	25.6	-	-	2.5	13.6	30.9	-63.6
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	140,342 (5.8)	42.1	18.6	16.7	4.0	27.7	29.6	4.8	4.6	-2.4	3.0	8.3	-9.4
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	29,301 (1.2)	36.9	23.6	20.4	7.3	22.3	22.9	4.9	4.3	-0.1	-1.4	-0.8	21.5
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	111,284 (4.6)	16.5	20.4	14.7	-51.9	15.1	17.9	3.0	2.6	-6.4	3.8	18.2	-43.2
HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	19,442 (0.8)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	1.2	1.7	26.0	-66.0	
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	34,032 (1.4)	11.0	44.4	28.1	-88.5	7.5	16.4	-	-	-1.2	-2.3	-5.3	-18.2
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	41,739 (1.7)	10.8	15.5	14.0	-57.0	13.7	13.9	2.0	1.9	-1.1	6.4	-4.7	-3.3
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	76,038 (3.1)	38.4	5.5	29.4	65.7	14.3	2.4	0.7	0.7	0.9	6.3	17.6	-65.6
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	#N/A (#N/A)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-	-	-	-
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	154,701 (6.3)	37.7	-	-	-14.4	-	-	-	-	-3.0	10.6	31.6	-68.0
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	22,376 (0.9)	3.6	38.2	7.6	-52.4	1.0	4.8	-	-	0.4	4.3	27.1	-61.6
	REE	REE	51,826	18,419 (800)	35,129 (1.4)	0.0	10.5	10.4	-4.5	16.4	15.3	1.5	1.3	-2.5	-5.4	-2.5	25.0

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	40,411 (1.7)	46.1	15.1	16.0	-17.5	24.5	21.0	3.6	3.2	0.0	1.9	0.0	14.3
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	36,445 (1.5)	31.4	10.0	9.8	-10.5	18.2	16.8	1.6	1.5	-1.5	-2.3	-9.7	-2.3
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	1,421 (0.1)	34.1	16.9	7.7	-5.1	4.7	9.9	0.9	0.9	-2.0	-3.0	12.7	-40.1
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	557,950 (22.9)	18.0	4.0	3.5	21.9	21.4	20.5	0.8	0.7	2.3	-9.2	27.6	-57.0
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	138,416 (5.7)	36.5	3.5	5.1	-0.5	40.1	23.5	1.2	1.1	-5.5	-7.3	12.0	-17.5
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	160,745 (6.6)	46.5	4.7	7.1	-4.5	41.5	22.9	1.7	1.5	-7.0	-5.4	10.8	-18.1
	HSG	HOA SEN GROUP	18,864	11,063 (481)	143,799 (5.9)	38.9	5.2	4.4	67.9	11.8	12.9	0.6	0.5	6.4	0.8	16.2	-60.2
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	20,110 (0.8)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	1.7	7.1	20.2	-60.9
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	33,009 (1.4)	4.6	19.5	10.6	-51.0	6.3	11.7	1.2	1.9	0.7	5.6	10.9	-45.6
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	191,648 (7.9)	39.9	124.3	16.0	-11.9	0.3	4.2	0.6	0.6	6.8	-2.0	12.6	-23.0
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	28,432 (1.2)	35.9	7.4	7.4	2.2	13.1	12.2	-	0.7	1.4	6.4	10.7	-27.4
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	170,084 (7.0)	0.0	12.6	9.2	14.4	24.6	28.5	2.4	1.9	-4.2	-7.5	25.0	-29.4
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	32,044 (1.3)	0.0	14.0	12.1	2.4	24.2	21.7	2.8	2.4	-0.5	-2.2	-5.5	5.1
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	1,050 (0.0)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	0.8	0.0	37.4	-53.3
	FRT	FPT DIGITAL RETA	18,800	2,227 (097)	142,162 (5.8)	30.3	17.3	13.8	-75.2	27.8	25.6	4.0	3.1	-4.0	2.6	5.7	16.0
Chăm sóc sức khỏe	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	25,715 (1.1)	34.6	7.0	6.0	41.2	28.8	23.5	1.6	1.4	1.4	9.3	25.6	-42.5
	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	886 (0.0)	45.4	13.6	12.5	10.7	21.3	20.6	-	-	0.9	-2.1	0.6	-23.9
IT	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
	FPT	FPT CORP	56,667	61,301 (2,664)	90,942 (3.7)	0.0	15.2	12.4	15.5	28.5	29.0	3.9	3.2	-2.0	0.3	-8.1	-4.5

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc Khối Phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp

Dương Đức Hiếu – Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp
hieudd@kbsec.com.vn

Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Chuyên viên cao cấp
tungna@kbsec.com.vn

Nguyễn Đức Huy – Chuyên viên phân tích
huynd1@kbsec.com.vn

Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Chuyên viên cao cấp
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích
thuann@kbsec.com.vn

Dầu khí & Tiện ích

Tiêu Phan Thanh Quang – Chuyên viên phân tích
quangtpt@kbsec.com.vn

Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích
anhntn@kbsec.com.vn

Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích
linhpp@kbsec.com.vn

Khối Phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược Đầu tư
anhtd@kbsec.com.vn

Vĩ mô & Ngân hàng

Lê Hạnh Quyên – Chuyên viên phân tích
quyenlh@kbsec.com.vn

Chiến lược đầu tư, Hóa chất

Thái Hữu Công – Chuyên viên phân tích
congth@kbsec.com.vn

Chiến lược đầu tư, Thủy sản & Dệt may

Trần Thị Phương Anh – Chuyên viên phân tích
anhhttp@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.